

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXX-ST ngày 18/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐST-HPT ngày 05/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: Tổ 09, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Thanh Qu, sinh năm: 1974; Địa chỉ cư trú: Tổ 09, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và Ông Hoàng Thanh Qu sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn hai bên còn độc thân, hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với gia đình chồng tại: Tổ 9, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do ông Qucó người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường cãi vã nhau, ông Qudon ra ngoài sống cùng người phụ nữ khác. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà Byêu cầu được ly hôn với ông Quđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm Hoàng Thị Minh Th, sinh năm: 1999, Hoàng Ngọc Thảo V, sinh năm: 2004 và Hoàng Minh Tr, sinh năm: 2011. Bà Bkhông yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Tài sản chung: Bà Bkhông yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con chung, để vợ chồng tự thỏa thuận

Nợ chung: Hiện vợ chồng không nợ chung của ai, không cho ai vay nợ chung.

Bị đơn Ông Hoàng Thanh Qu trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Ngọc B mặt dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc B có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Ông Hoàng Thanh Qu vắng mặt mặt dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: [110/2018/QĐXX-ST](#) ngày 18/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐST-HPT ngày 05/11/2018.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng và thu thập chứng cứ: Đã thực hiện đúng các quy định tại điều 28, 35, 39, 68, 97, 98, 106 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 51, 54, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết 326 về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với Ông Hoàng Thanh Qu, Bà B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” do nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện đối với bị đơn Ông Hoàng Thanh Qu có nơi cư trú tại: Tổ 09, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa bị đơn Ông Hoàng Thanh Qu vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3, điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và Ông Hoàng Thanh Qu sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn hai bên còn độc thân. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, Bà B và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn không hoà giải được dẫn đến tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người tự sống riêng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn được Bà B xác định do ông Q có người phụ nữ khác bên ngoài nên không lo cho gia đình, vợ con. Theo xác minh tại ban ấp 5, xã Minh Hưng nơi Bà B và ông Q chung sống được đại diện Ban ấp cho biết, Bà B và ông Q mâu thuẫn khoảng vài năm trở lại đây, gia đình thường cãi vã, đánh đập nhau, có lần báo ban ấp đến can thiệp. Ông Q thường đi làm xa, không thường xuyên ở nhà. Do các bên đương sự không có đơn ly hôn gửi Ban ấp nên Ban ấp không rõ nguyên nhân vợ chồng Bà B và ông Q mâu thuẫn và cũng không tổ chức hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng bà Bích.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Q nhiều lần đồng thời tiến hành mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho bà Bích, ông Q đoàn tụ vợ chồng nhưng Bà B vẫn cương quyết ly hôn, còn ông Q không tham gia hoà giải, thể hiện ông Q không có thiện chí muốn đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Bà B và ông Q đã mâu thuẫn tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó yêu cầu ly hôn của Bà B có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2].Về con chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết giao nuôi con chung nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do Bà Blà nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với Ông Hoàng Thanh Qu.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009409 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà